



ALBERT BUELL LEWIS VÀ DÂN TỘC HỌC LỊCH SỬ

ĐỖ TRỌNG QUANG

Có thể nói hai thập kỷ trước lúc Đại chiến Thế giới I bùng nổ là thời kỳ hoàng kim của các nhà sưu tầm bảo tàng. Trong đó, bảo tàng cùng các sưu tập của nó là thành phần then chốt trong công tác nghiên cứu dân tộc học khắp thế giới. Bảo tàng dân tộc học và lịch sử tự nhiên chứa đựng hàng nghìn hiện vật được các nhà khoa học nghiên cứu và thu thập ở nhiều xã hội thuộc Thế giới thứ Ba. Mọi quan sát về phong tục, tập quán, văn hóa vật chất và ngôn ngữ đều cung cấp dữ liệu quý giá về những xã hội mà người ta coi là “nguyên thủy”.

Đối với nhà dân tộc học, những sưu tập đó là bằng chứng về sự phát triển văn hóa, và tóm lại, mẫu vật dân tộc học có thể được sử dụng để đánh giá quan hệ giữa các xã hội khác nhau. Những dữ liệu đó không giống loại dữ liệu mà nhà dân tộc học ngày nay thường thu lượm, nhưng chúng vẫn có thể soi sáng quan hệ lịch sử giữa các xã hội. Phần lớn các nhà dân tộc học được đào tạo sau Đại chiến Thế giới II thường thực hiện công trình nghiên cứu của mình về một sắc tộc duy nhất, nên họ bỏ lỡ khi đứng trước những tập hợp hiện vật lớn thu thập ở nhiều

cộng đồng khác nhau. Nếu đến tham quan phòng trưng bày của một bảo tàng lớn, phần nhiều nhà dân tộc học chỉ quan tâm tới những thứ được thu lượm ở một khu vực nhỏ, thường là hiện vật của dân tộc mà họ nghiên cứu, chứ ít chú ý đến hiện vật của các sắc tộc khác.

Ngày nay, sưu tập bảo tàng có tầm quan trọng thứ yếu đối với dân tộc học; do đó, nhiều nhà dân tộc học chỉ xem lướt qua hiện vật. Đúng là một vài nhà nghiên cứu có chú ý hơn đến công việc sưu tầm dân tộc học, nhưng họ ít quan tâm tới những hiện vật nói lên bối cảnh xã hội ban đầu của chúng. Sự thiếu quan tâm về mặt nghề nghiệp đến hiện vật thật là mỉa mai vì từ nhiều thập kỷ, trao đổi đã là một đề tài trung tâm của nghiên cứu dân tộc học. Nhiều nhà dân tộc học hiện nay hình như cho rằng công trình nghiên cứu cách đây một thế kỷ đã sai lầm về cơ bản, vì ít khi nó được thực hiện trong một xã hội duy nhất, nói một ngôn ngữ duy nhất, có một nền văn hóa duy nhất.

Nhà dân tộc học ở đầu thế kỷ 20 thường thu thập hiện vật và dữ liệu từ nhiều địa điểm. Điều này cho thấy công việc của

ông khác với chúng ta ngày nay. Nhà khoa học đó nghĩ rằng, những quan sát và sưu tập của ông sẽ là dữ liệu lịch sử hầu như không thể tìm được ở thế kỷ sau. Cách đây gần hai chục năm, Viện Dân tộc học Việt Nam đã tổ chức một chuyến khảo sát ở Đăk Lăk cùng một số nhà nghiên cứu thuộc bảo tàng Osaka. Trong chuyến đi này, các bạn Nhật Bản đã tìm mua cả những mảnh nồi đất cũ mà người ta vứt đi. Phải chăng họ muốn để các thế hệ sau biết đến dụng cụ nấu ăn của các sắc tộc ở Việt Nam hiện thời. Sự khác biệt về mục tiêu nghiên cứu giữa các nhà dân tộc học cách đây một thế kỷ với chúng ta không ngăn cản ta khai thác kho hiện vật của các bảo tàng để tìm kiếm dữ liệu lịch sử và dân tộc học so sánh mà chúng chứa đựng.

Hoạt động của bảo tàng Field

Một trong các sưu tập lõi cuốn sự chú ý của nhiều nhà khoa học hiện thời là công trình của A. B. Lewis, một trong các sưu tập dân tộc học lớn nhất của bảo tàng Field. Đây là sưu tập về nghệ thuật và văn hóa vật chất Melanesia, được Lewis thực hiện từ năm 1909 đến 1913 trong bốn năm nghiên cứu điền dã. Muốn có một ý niệm về cách thức các nhà dân tộc học thực hiện công việc nghiên cứu trước Đại chiến Thế giới I, ta cần hiểu ngành khoa học này đã phát triển như thế nào. Trước năm 1920, nhiều nhà dân tộc học làm việc ở các bảo tàng, nên chẳng có gì lạ khi công tác điền dã phải được tiến hành theo nhu cầu của bảo tàng. Chắc chắn mục đích nghiên cứu là nhằm giải quyết các vấn đề rộng rãi của địa phương, chứ không bó hẹp ở dân tộc học. Do đó, muốn hiểu ý nghĩa bộ sưu tập Lewis đối với bảo tàng Field, ta cũng nên biết hoàn cảnh ông được phái đến Melanesia.

Sưu tập A. B. Lewis về văn hóa vật chất ở New Guinea và quần đảo Melanesia gồm trên 14.000 hiện vật được thu thập từ năm 1909 đến 1913 trong chuyến khảo sát Nam Thái Bình Dương Joseph N. Field. Bộ sưu tập này được nhà dân tộc học kiêm quản đốc bảo tàng Field là Albert Buell Lewis thu lượm trong bốn năm nghiên cứu ở tất cả các thuộc địa và xứ bảo hộ của người phương Tây tại Melanesia như: Fiji, New Guinea thuộc Đức, Papua, New Caledonia, quần đảo Salomons, New Hebrides, Moluccas, New Guinea thuộc Hà Lan. Nó hiện nay vẫn là một trong các sưu tập lớn nhất thuộc loại này trên thế giới. Ngoài nhiều đồ tạo tác tiêu biểu cho hầu hết các vùng của Melanesia được khảo sát lúc đó, bộ sưu tập còn chứa đựng gần 1.600 tấm ảnh, các nhật ký điền dã của A. B. Lewis, thư từ trao đổi, các danh sách mẫu vật chứng minh cho những hiện vật sưu tập, cùng nhiều ghi chép khác nhau.

Sưu tập Lewis chiếm khoảng một phần ba số hiện vật của bảo tàng Field thu lượm ở Melanesia. Một số hiện vật tương tự như thế trong các sưu tập khác là của Otto Finsch, J. F. G. Umlauff, Richard Parkinson, H. Voogdt, George A. Dorsey cùng một số người khác. Cũng như hầu hết các nhà sưu tầm trước đó, A. B. Lewis ghi rõ thông tin về nơi thu thập hiện vật, nhưng ông còn nêu cẩn thận nơi chế tác hiện vật, tên địa phương, vật liệu sử dụng... Hầu hết những thông tin đó đều không có ở các sưu tập về Melanesia. Cho nên sưu tập Lewis rõ ràng mang giá trị tư liệu nhiều nhất trong các sưu tập đầu tiên của bảo tàng Field về Melanesia và là một trong những sưu tập quan trọng nhất để nghiên cứu dân tộc học.

Công việc điền dã của A. B. Lewis đầy rẫy khó khăn, nhưng vấn đề đó không khiến ông xa rời mục đích xây dựng một sưu tập có hệ thống, với nhiều tư liệu vượt trên mức trung bình thời ấy. Khi xem xét bối cảnh mà sưu tập này được hoàn thành, người ta thấy sưu tập Lewis, cùng với các ảnh chụp và ghi chép điền dã, thật là xuất sắc. Nó là một cố gắng phi thường thời đó, một nguồn phương tiện chưa được khai thác nhiều để hiểu đời sống cổ truyền của người dân Melanesia.

Bảo tàng Field, nơi A. B. Lewis làm việc, được một nhóm nhân vật tai mắt ở Chicago sáng lập dưới quyền chỉ đạo của Marshall Field. Bảo tàng được thành lập sau khi Hội chợ Thế giới Columbia năm 1893 kết thúc. Mới đầu, nó được đặt tên là bảo tàng Field Columbian Museum, nhằm quảng bá hình ảnh Chicago là một thành phố tầm cỡ quốc tế. Năm 1896, bảo tàng xác định mình là một bảo tàng lịch sử tự nhiên, nên đổi tên thành bảo tàng Field về Lịch sử Tự nhiên.

Hầu hết các sưu tập dân tộc học đầu tiên của bảo tàng được thu thập dưới sự giám sát của Frederic W. Putnam, người phụ trách bộ phận Dân tộc học của Hội chợ Thế giới Columbia từ năm 1890. Putnam giao nhiệm vụ cho Franz Boas xây dựng những bộ sưu tập có hệ thống, tiêu biểu cho các xã hội thổ dân vùng Northwest Coast, rồi ông cử George A. Dorsey (lúc đó là sinh viên ở Harvard) đi khai quật khảo cổ học tại miền núi Peru. Những phần khác của các sưu tập dân tộc học chỉ là một mớ lộn xộn những vật hiếm, tình cờ thu lượm được từ các nơi khác nhau để trưng bày. Trong đó, một số vật là thí dụ về nghệ thuật và công nghệ nguyên thủy, nhưng phần lớn thiếu tư liệu chứng minh.

Tháng Tư năm 1894, Franz Boas rời khỏi bảo tàng sau một loạt cuộc cãi lộn với giám đốc Frederick J. V. Skiff về vấn đề ai có quyền và trách nhiệm đối với ban Dân tộc học, về cách sắp xếp vật trưng bày cũng như về tiền lương. Sau khi Boas ra đi, ban quản trị bảo tàng thuê William H. Holmes làm quản đốc đầu tiên về dân tộc học, và hai năm sau, George A. Dorsey được bổ sung vào bảo tàng. Đóng góp lớn nhất của Dorsey là biến các sưu tập dân tộc học mới xây dựng thành những sưu tập có thể cạnh tranh với các bảo tàng lâu đời hơn. Fay-Cooper Cole đã gọi Dorsey là “người xây dựng bảo tàng lớn nhất của thời kỳ đó... mà nhiệt tình to lớn đã khiến những người giàu có tài trợ cho các chuyến khảo sát tới nhiều đất nước” (Welsch, 1991, tr. 403). Chắc chắn Dorsey là kiến trúc sư chính của các sưu tập dân tộc học ở bảo tàng Field.

Trước năm 1897, ban Dân tộc học bận tổ chức và liệt kê các hiện vật đã có hơn là sưu tầm hiện vật mới. Nhưng khi được bổ nhiệm làm quản đốc, Dorsey liền thay đổi hướng đi, chú tâm lấp đầy những khe hở bằng các hiện vật mới. Vì đã làm việc với Putnam ở Hội chợ Thế giới, nên Dorsey đóng một vai trò gương mẫu trong việc phát triển hiện vật của bảo tàng Field. Hơn nữa, ông còn biết rõ hoạt động của Bảo tàng Mỹ ở New York. Vì thế, Dorsey hiểu từ sớm rằng muốn xác lập uy tín của bảo tàng mình so với các bảo tàng đồ sộ hơn, thì phải có những sưu tập lớn thu lượm được từ càng nhiều vùng càng tốt; thế là ông bắt đầu một nỗ lực có hệ thống để xây dựng các sưu tập thật nhanh.

Phát triển các sưu tập tất nhiên phải có nhiều tiền, nhưng Dorsey có kinh nghiệm về

việc này. Trong các môi tiếp xúc cá nhân, ông đã giành được thiện cảm của các nhà hảo tâm. Khi các môi tiếp xúc này không đủ, ông thúc giục giám đốc Skiff cùng Ban quản trị bảo tàng tìm cách kiếm ra tiền cho các dự án của ông. Bằng cách trực tiếp hay thông qua các phó quản đốc, Dorsey tiếp xúc với nhiều người sưu tầm ở các vùng xa, thu mua hiện vật hoặc ủy nhiệm tư nhân sưu tầm riêng cho bảo tàng Field. Ông cũng bố trí mua một số sưu tập lớn của người buôn bán đồ quý hiếm, như J. F. G. Umlauff & Co ở Hamburg.

Tuy nhiên, nói chung, Dorsey thích tổ chức các chuyến khảo sát riêng. Ông tin rằng những chuyến khảo sát đó có lợi hơn thu mua của người buôn bán. Dorsey công nhận rằng khảo sát các điểm nghiên cứu cũng cung cấp tư liệu về mẫu vật dân tộc học tốt hơn các sưu tập thu mua. Không khí ganh đua giữa các bảo tàng trên thế giới, thể hiện rõ ở nhu cầu tổ chức các chuyến khảo sát và thu lượm các sưu tập đồ sộ, là bối cảnh khiến bảo tàng Field phái A. B. Lewis sang Melanesia năm 1909.

Năm 1908, Dorsey đi một vòng chớp nhoáng quanh thế giới, thăm Ai Cập, Ấn Độ, Úc, New Guinea thuộc Đức, Philippines, và Guam. Theo thống đốc New Guinea thuộc Đức là tiến sĩ Albert Hahl thị sát nhiều nơi, trong chuyến đi này, Dorsey ở New Guinea hai tháng. Ở New Guinea thuộc Đức, ông đến thăm hàng chục làng mạc để thu mua 3.500 hiện vật với giá rất rẻ. Khi trở về Chicago, ông đề nghị giám đốc Skiff tổ chức một chuyến khảo sát bảo tàng kéo dài ba năm ở New Guinea, bổ nhiệm A. B. Lewis cầm đầu đoàn khảo sát. Ông đã viết:

Trong tất cả các đất nước mà tôi thăm gần đây, New Guinea gây ấn tượng cho tôi là nơi xứng đáng nhất được chú ý trước mắt. Tôi tin rằng chẳng ở nơi nào khác trên thế giới... ta có thể kiếm được một khối lượng tư liệu bảo tàng to lớn và quý giá như thế với một khoản chi tiêu phải chăng như vậy..., ở đây có thể đi lại an toàn và khá dễ chịu, và dân bản địa sẵn lòng đổi các vật của họ lấy dao, rìu, hạt cườm, gương soi, v.v. mà Đức chế tạo. Nói cách khác, điều kiện ở đây hoàn toàn lý tưởng cho việc thu lượm hiện vật bảo tàng (Welsch, 1999, tr. 451).

Trong vòng ba tháng, kinh phí được thông qua. Lewis chỉ có một tháng để mua máy ảnh và hoàn thành công việc chuẩn bị cho chuyến đi dài ngày. Trong một bức thư hướng dẫn, Dorsey gợi ý nhiều nơi mà Lewis có thể đến thăm, khuyên ông không nên ở lâu tại những nơi có các hiện vật mà bảo tàng đã sưu tầm nhiều. Dorsey muốn có những hiện vật lòe loẹt có thể gây ấn tượng cho giám đốc cùng ban quản trị.

Dorsey cũng nhắc Lewis một điểm mà các nhà dân tộc học đều rõ:

Cùng với các sưu tập mẫu vật của ông, dĩ nhiên ông có thể tiến hành các cuộc điều tra dân tộc học liên quan đến văn hóa chung của Melanesia hay những giai đoạn hoặc những khía cạnh của nền văn hóa đó như ông thấy đáng điều tra (Welsch, 1999, tr. 451).

Như vậy, trong khi mục đích chuyến khảo sát của Lewis là sưu tầm hiện vật để trưng bày, ông có thể nghiên cứu dân tộc học tổng quát hơn. Quy mô công trình nghiên cứu là do Lewis quyết định, nhưng rõ ràng nó là một phần quan trọng của cuộc khảo sát. Còn Dorsey thì tuy khuyến khích

các phó quản đốc thu thập dữ liệu dân tộc học ở thực địa, nhưng sưu tập của ông tại New Guinea thuộc Đức lại nặng về những vật đẹp mắt, và ông đã thu lượm hiện vật mà hầu như chẳng có dữ liệu dân tộc học. Tư liệu của ông rất ít, chỉ ghi chép ở những làng ông kiếm được hiện vật.

Sự thiếu tư liệu này phần nào phản ánh cách thức Dorsey thực hiện bộ sưu tập New Guinea của ông. Đi theo Thống đốc Hahl, ông ghé qua nhiều khu định cư dọc ven biển, chuyển sang nơi tiếp theo khi công việc chính thức đã làm xong. Dorsey chỉ nói được một ít tiếng địa phương. Bài tường thuật của ông về chuyến đi, đăng trên báo *Chicago Daily Tribune* năm sau, cho thấy ông tiếp xúc rất ít với dân làng. Nhưng là khách mời thường xuyên của thống đốc cùng các quan chức cấp cao khác, ông thấy chuyến đi trong phạm vi thuộc địa là an toàn, dễ dàng, và thoải mái.

Tóm lại, trong khi Dorsey chứng tỏ ông quan tâm đến việc chứng minh bằng tư liệu cho những sưu tập của ông ở nơi khác, nhất là tại châu Mỹ, thì ông lại rất ít quan tâm đến vấn đề này trong thời gian ngắn ngủi ông ở New Guinea. Những hạn chế này khiến ta nghĩ rằng ông không tôn trọng giá trị của thông tin đó và tầm quan trọng của nó đối với vật trưng bày và việc nghiên cứu khoa học. Không giống như Dorsey, A. B. Lewis vạch cho mình hướng đi riêng, nhất là trong chuyến khảo sát Melanesia.

Công việc của nhà dân tộc học A. B. Lewis

Ngay từ đầu cuộc khảo sát, Lewis đã tự coi mình chẳng phải chỉ là người sưu tầm, dù ông hiểu rõ rằng giám đốc Skiff sẽ đánh giá

ông qua số hiện vật đẹp mắt ông mang về. Là học trò của Boas, ông thấy chuyên khảo sát là một cơ hội để nghiên cứu dân tộc học mà qua đó ông hy vọng chứng minh thật đầy đủ bằng tư liệu cuộc sống của các dân tộc Melanesia trước khi họ chịu ảnh hưởng châu Âu. Nhưng năm 1909, ông vẫn là một người nghiên cứu điền dã non nớt, và chính tình hình thực địa đã làm ông thay đổi sâu sắc, định hướng sự phát triển của ông với tư cách một nhà dân tộc học và một chuyên gia về Melanesia. Những thay đổi này ảnh hưởng đến những vật ông sưu tầm, chụp ảnh, và ghi chép sau đó trong nhật ký điền dã.

Ngày 8 tháng 5 năm 1909, Lewis rời Chicago bằng xe lửa đi San Francisco, sau đó bằng tàu đến Fiji, nơi ông ở gần hết tháng 6. Ông tiếp tục đi bằng tàu tới Sydney và lưu tại đây vài tuần để mua sắm dụng cụ, quần áo dùng ở vùng nhiệt đới. Ông cũng tranh thủ thời gian đến các cửa hàng sách, những người buôn bán vật hiếm, và Bảo tàng Úc. Đầu tháng 8, ông rời Sydney đi New Guinea thuộc Đức, đến thủ phủ của thuộc địa này là Herbertshore (hiện nay là Kopoko), và được Thống đốc Hahl chào đón nồng nhiệt. Sau khi dự trữ hàng hóa để trao đổi với dân làng, Lewis tìm được ba người địa phương giúp đỡ trên thực địa. Cả bốn người theo thống đốc đi thị sát bằng xuồng máy dọc bờ đông - bắc của New Guinea. Họ ghé vào Finschhafen, Bogadjim, Stephansort, Friedrich-Wilhelms-Hafen (bây giờ là Madang), Alexishafen, Postdamhafen, Eitape, và nhiều nơi khác trên đường tới khu vực ranh giới Đức - Hà Lan và vịnh Humboldt. Dọc đường, Lewis lên bờ ở nhiều cảng ghé, mỗi lần chỉ vài giờ.

Sau khi Thống đốc Hahl làm việc xong với người Hà Lan ở vịnh Humboldt, đoàn người quay về New Britain. Thống đốc quyết định tổ chức hai chuyến đi chơi ngắn vào nội địa, mới đầu ngược sông Tami đặng sau quận Sko rồi sau đấy vào khu vực bụi cây sau Eitape. Thống đốc mời Lewis theo ông trong cả hai chuyến đi chơi, nhưng sau đấy Lewis ở lại Eitape trong khi đoàn người trở về Herbertshore.

Các tuần đầu tiên của Lewis ở Melanesia rất giống những điều Dorsey đã trải nghiệm tại New Guinea thuộc Đức. Ở Fiji, các vật Lewis kiếm được phần lớn là những thứ mua của người buôn bán địa phương, mặc dầu ông kiếm được một vài thứ trong các làng mạc. Tương tự như vậy, trong các tuần đầu tiên của ông tại New Guinea thuộc Đức, Lewis thu được gần 100 mẫu vật dân tộc học trước khi đến đất của người Hà Lan. Ông chỉ chụp được vài tấm ảnh ở Fiji hoặc trong chuyến đi biển dọc bờ New Guinea. Ông ghi nhật ký điền dã trong thời gian ở Fiji từ ngày 9 tháng Sáu đến ngày 8 tháng Bảy, và bắt đầu ghi nhật ký điền dã New Guinea sau khi rời Eitape tới đất của người Hà Lan.

Mặc dầu Lewis nói tiếng Đức và tiếng Hà Lan lưu loát, nhưng về tiếng của dân địa phương thì rất hạn chế, còn tiếng Mã Lai thì chẳng biết mấy, nên ông chỉ nói được bập bẹ khi giao tiếp với người New Guinea. Tuy nhiên, qua những dòng ông ghi chép, người ta thấy ông đang cố gắng nắm được thành thạo cả tiếng địa phương lẫn tiếng Mã Lai. Suốt những tuần lễ đầu tiên này, Lewis phải thăm dò tình hình. Những địa danh khó hiểu, cơ cấu của chính quyền thuộc địa, một môi trường mới lạ, cũng như hệ động vật và thực

vật của xứ sở này đều khiến ông phải tìm hiểu. Những tuần lễ đó ở Melanesia quả thật tạo điều kiện để Lewis làm quen với công tác điền dã dân tộc học.

Ở nhà trường, ông đã học môn sinh học và động vật học, mới đầu tại trường Cao đẳng Wooster từ năm 1890 đến 1893, rồi sau ở trường Đại học Chicago từ năm 1893 đến 1894. Ông tiếp tục rèn luyện ở trường Đại học Chicago trong ba năm, nhận làm trợ lý về động vật học và vi khuẩn học, sau đó dạy động vật học trong năm năm ở trường Đại học Nebraska. Năm 1902 là lúc Lewis đã 35 tuổi, ông trở về thi tốt nghiệp dân tộc học, trở thành học trò của Boas tại trường Đại học Columbia. Bốn năm sau, ông hoàn thành luận văn tiến sĩ “Các bộ tộc ở thung lũng Columbia và vùng bờ biển Washington và Oregon”, một công trình nghiên cứu địa phương hoàn toàn dựa trên tư liệu đã xuất bản. Lúc Dorsey thuê ông năm 1907, ông chưa hề nghiên cứu điền dã, ngoài một số chuyến đi tới các cộng đồng thổ dân tại California và Colorado, và vài tuần lễ giúp William C. Mills khai quật khảo cổ học khu vực Siep Mound gần Bainbridge ở bang Ohio.

Mặc dầu Lewis đã đọc nhiều sách dân tộc học năm 1909, ông tuyệt đối chưa nghiên cứu điền dã thực tế để làm việc tại New Guinea. Thoạt đầu, hình như ông làm theo kinh nghiệm của Dorsey trong vùng. Thậm chí công tác điền dã của Boas cũng chẳng có ý nghĩa lắm đối với công việc của ông ở một môi trường nhiều đồi núi này, ấy là chưa kể một môi trường nhiệt đới.

Kinh nghiệm điền dã của Lewis thay đổi hẳn sau khi Thống đốc Hahl để ông ở lại

Eitape. Chiến lược điền dã của ông không giống cách làm của Dorsey, ông đều đặn tới thăm các nhà truyền giáo, thương nhân, và quan chức chính phủ. Lời bình luận của họ về phong tục làng xã giúp ông hiểu các cộng đồng mà ông đến thăm. Tuy vậy, công tác điền dã của Lewis ngày càng chuyển sang quan sát trực tiếp đời sống hàng ngày của dân làng. Đa số hiện vật ông thu lượm trong năm sau được trực tiếp mua của những dân làng đã làm ra hoặc sử dụng chúng. Ông ghi chép các tên gọi ở địa phương, phương pháp chế tác, cách dùng những đồ vật này.

Lúc có một mình, Lewis phần nhiều đi lại bằng xuồng có mái chèo của địa phương, đôi khi có thể đi nhờ tàu thủy của đoàn truyền giáo Thiên chúa. Các nhà truyền giáo dành cho ông một chỗ nghỉ khi ông ở lại Tumbo và Malol, thương nhân Schulz ở Sissano và một quan chức phụ trách vùng Eitape là Rodatz thỉnh thoảng tiếp đãi ông. Tuy nhiều người châu Âu giúp ông trong những tháng này, khả năng ngày càng thành thạo tiếng địa phương đã cho phép ông tiếp cận dân bản địa dễ dàng hơn. Ông thích nghiên cứu độc lập, và sau đó hỏi người châu Âu về những tập tục khó hiểu.

Trong thời gian này, ngay cả thức ăn của Lewis cũng bắt đầu khác thức ăn của Dorsey, vì càng ngày ông càng ăn thực phẩm địa phương và thịt đóng hộp. Giống như nhiều người nghiên cứu điền dã khác, chẳng mấy chốc Lewis chán ngấy thức ăn đơn điệu hàng ngày này, đến nỗi đôi khi ông nhận xét trong nhật ký về những món ăn ngon mà nhiều người châu Âu mời ông ăn. Thí dụ, một mục trong nhật ký khi Lewis ở với các nhà truyền giáo tại Tumleo đã ghi từng món ngon lành của thực đơn một bữa ăn nấu ở

nhà. Mặc dầu Lewis đi đây đi đó nhiều hơn hầu hết các nhà dân tộc học ngày nay, nhưng các trải nghiệm của ông trên thực địa chẳng khác những điều chúng ta cảm thấy trực tiếp, những bờ ngõ trong giao tiếp, sự đơn điệu của thức ăn điền dã.

Xét theo tiêu chuẩn dân tộc học ngày nay, ghi chép điền dã của Lewis khá sơ sài, chỉ đề cập ngắn gọn đến mỗi cộng đồng ông tới thăm. Hơn nữa, nhật ký của ông chỉ tập trung vào văn hóa vật chất, nhất là việc có hay không có một loại hình hiện vật nào đó, vật liệu và phương pháp chế tác. Những đoạn miêu tả đó ít khi thấy trong dân tộc học hiện đại vì hai lẽ: (a) giống như hầu hết các nhà dân tộc học khác ở thời ông, Lewis nghiên cứu so sánh nhiều cộng đồng, chứ không nghiên cứu sâu một cộng đồng duy nhất, và (b) ông có ý nghiên cứu sự biến đổi trong văn hóa vật chất, một chủ đề ít được nhà dân tộc học ngày nay quan tâm hơn thời kỳ trước Đại chiến Thế giới I.

Tất nhiên ngay từ đầu, công việc của Lewis thiên về văn hóa vật chất vì ông định làm một sưu tập có hệ thống cho bảo tàng Field. Nhưng Lewis nhận thấy có những vấn đề khác đáng nghiên cứu, tuy ở ngoài tầm hiểu biết của mình. Nhật ký của Lewis cũng hay nói đến những khó khăn khi muốn có thông tin đáng tin cậy về những chủ đề như tranh tượng địa phương (thí dụ, các bức chạm khắc) hay ý nghĩa của mặt nạ và những đồ dùng cúng lễ khác. Nhưng ảnh chụp và các ghi chép của ông lại đề cập nhiều đến cuộc sống hàng ngày, cách làm các đồ vật, xây cất nhà cửa v.v.

Cuối cùng, Lewis say mê văn hóa vật chất Melanesia, với nhiều biến đổi về phong

cách và hình thức, cũng như chú ý đến phương pháp làm những đồ vật giống nhau. Ông đánh giá cao khả năng dân Melanesia có thể định hướng cho môi trường của mình bằng cách sử dụng công nghệ tương đối đơn giản. Lewis nhiệt tình theo đuổi chủ đề này trong bốn năm ở tất cả bảy thuộc địa Melanesia. Lúc trở về Chicago, ông tự hào nói với giám đốc Skiff rằng: “Tôi có thể nói chắc chắn là rất ít người biết nhiều hơn về vấn đề văn hóa vật chất Melanesia”.

Ngay từ những tuần lễ đầu tiên ở Melanesia, ông đã rất chú ý tới những điểm giống nhau và khác nhau trong phong cách, thiết kế, và hình dạng các đồ vật bình thường, nhận định về những đặc trưng hình thức này tương tự hay khác biệt với những đồ vật ông quan sát trước đây ở các nơi khác. Lewis chụp nhiều ảnh nhà cửa để minh họa những phong cách được thấy tại các cộng đồng khác nhau, đặc biệt quan tâm đến các phương pháp làm bình lọ, ghi chép những phương pháp đó trong sổ tay, chưa kể ảnh chụp các điệu múa và những buổi cúng lễ. Điều luôn luôn cuốn hút sự chú ý của Lewis là sự biến đổi văn hóa phức tạp ở khắp Melanesia, không nơi nào sự phức tạp đó được ông thấy rõ hơn tại vùng Bờ biển phía Bắc của New Guinea, một khu vực mà ông khảo sát có hệ thống hơn mọi nơi khác.

Lewis không thấy mình là một nhà dân tộc học chịu trách nhiệm hiểu biết thấu đáo về văn hóa của một cộng đồng hay sắc tộc nhất định. Phong cách nghiên cứu đó không tiêu biểu cho dân tộc học năm 1909. Phải đến năm 1912, lúc Gunnar Landtman, một học trò người Thụy Điển của A. C. Haddon, hoàn thành công trình nghiên cứu về người Kiwai thì phương pháp nghiên cứu mà ngày

nay chúng ta gọi là “mô tả dân tộc học” (ethnography) mới xuất hiện ở Melanesia.

Năm 1909, các nhà dân tộc học nói chung không ở lâu tại một cộng đồng duy nhất. Họ thực hiện những cuộc khảo sát địa phương và so sánh về nhiều cộng đồng, và quan tâm dùng tư liệu chứng minh quan hệ giữa các cộng đồng này. Về phương diện đó, Lewis không khác hầu hết các nhà dân tộc học thời ông. Điều khác biệt giữa công trình nghiên cứu của ông với hầu hết những người cùng thời với ông là ở chỗ, ông đi xa hơn, thăm nhiều nơi hơn, thu thập hiện vật bảo tàng nhiều hơn, và ở lại thực địa lâu hơn bất cứ người nào khác làm việc ở Melanesia.

Như vậy, Lewis không có ý định nghiên cứu sâu một cộng đồng hay sắc tộc duy nhất, bảo tàng Field cũng chẳng mong ông làm như thế. Do vị trí của ông là phó quản đốc phụ trách nghiên cứu dân tộc học vùng Melanesia ở bảo tàng, nên dĩ nhiên sưu tập bảo tàng, nghệ thuật, và văn hóa vật chất đóng một vai trò quan trọng ở việc khảo sát địa phương. Nhưng được đào tạo theo truyền thống của Boas, ông thấy mục đích nghề nghiệp chủ yếu của mình là cung cấp những điều quan sát dựa trên thực nghiệm (dưới dạng ghi chép, ảnh chụp, và sưu tập) ở một vùng rộng lớn mà chưa ai biết nhiều một cách cặn kẽ.

Điều thể hiện rõ ở các bức thư ông gửi cho cấp trên ở bảo tàng Field và các đồng nghiệp trong ban Dân tộc học là, ông đang phát triển chương trình nghiên cứu của mình. Một cách lịch sự nhưng kiên quyết, ông phản đối cố gắng của cấp trên định chuyển hướng kế hoạch nghiên cứu mà ông đã phát triển trong năm thứ nhất đi khảo

sát. Đọc cẩn thận tất cả các thư từ trao đổi, nhật ký điền dã, và những ghi chép khác của ông, ta thấy hình như Lewis quyết định tập trung vào việc nghiên cứu các làng ven biển New Guinea.

Những hướng dẫn ban đầu của Dorsey khuyến Lewis cứ nấn ná ở lại ven biển nhưng đến thăm càng nhiều làng nội địa càng tốt. Dorsey thấy Lewis không cần phải đến một số vùng ven biển, vì Dorsey đã thu thập mẫu vật tại những nơi đó. Ít nhất có hai lần giám đốc Skiff đã viết thư với lời lẽ gay gắt cho Lewis ở thực địa, chủ yếu bảo ông bỏ vùng ven biển để vào nội địa, nơi “nhiều phát hiện mới và lý thú có khả năng được thấy”. Nhưng Lewis khước từ việc thay đổi kế hoạch của mình theo yêu cầu của Skiff và Dorson. Ông say mê tính đa dạng dọc ven biển và ngày càng muốn hiểu nó đầy đủ hơn. Trong nhiều trường hợp, ông thấy sưu tập của Dorsey (cùng nhiều sưu tập khác về New Guinea mà bảo tàng đã thu mua) là thiếu sót cả về tư liệu lẫn tính tiêu biểu. Hình như ông thấy chính những biến đổi nhỏ là cái chìa khóa quan trọng để làm sáng tỏ tính đa dạng của ven biển.

Tháng Tư, ông viết thư cho trợ lý quản đốc là S. C. Simm như sau về những khó khăn về vận chuyển khi vào sâu nội địa:

Vấn đề lớn ở đây là vận chuyển, người ta cần một chiếc tàu. Vùng nội địa toàn núi non, chỉ trừ vài thung lũng sông lớn, rồi đồng lầy. Tôi đã không vào nội địa quá hai ngày. Dân cư đáng quan tâm, nhưng làng mạc thì thưa thớt, nghèo nàn, và cách xa nhau; đối với tôi, có nhiều cái mới dọc ven biển. Dân chúng phần lớn là người Melanesia, có một nền văn hóa phong phú

hơn nhiều so với dân Papua của nội địa, tức là của vùng núi. Dọc sông Sepik hình như khác, nhưng tôi không rõ những người này có phải dân Papua không (Welsch và Terrell, 1991, tr. 113).

Hai tuần sau, ông viết giống như thế cho Dorsey, và nói thêm:

Về văn hóa (vật chất), tôi đã nghiên cứu khá cặn kẽ ba vùng khác nhau. Tôi hy vọng có thể có một cái nhìn rõ ràng về toàn bộ vùng ven biển cũng như sông Sepik. Tôi sẽ thành công đến mức nào thì còn phải chờ xem (Welsch, 1999, tr. 457).

Hai tháng sau, khi Skiff viết thư cho ông đề nghị rút ngắn cuộc khảo sát, ông đã trả lời:

Về thời gian tôi ở Melanesia, tôi không biết trả lời thế nào lời ông đề nghị rút ngắn cuộc khảo sát... Trước hết, tôi ao ước nghiên cứu khá hoàn hảo vùng biển New Guinea... Tôi hy vọng thực hiện các công trình của tôi và các sưu tập khá đầy đủ để có một cái gì đó đáng xuất bản lúc tôi trở về (Welsch, 1999, tr. 457).

Giám đốc Skiff không tán thành mục đích cá nhân và nghề nghiệp của Lewis trong cuộc khảo sát, đánh giá thành công của Lewis hơi hẹp hòi về khối lượng hiện vật ông vận chuyển về bảo tàng. Khi chỉ có khoảng 1.000 đồ vật nhỏ được gửi về sau 18 tháng, Skiff viết một bức thư lời lẽ gay gắt cho Lewis ở thực địa, yêu cầu chứng minh cho hoạt động của ông. Lewis trả lời rằng, những đồ vật của ông “bề ngoài có vẻ vô giá trị” nhưng có thể là những “hiện vật trưng bày cực kỳ thú vị và có giá trị” một khi chúng được giải thích “bởi một người đã nghiên cứu đời sống bản địa”. Ông nói thêm

rằng “tôi không nghĩ một bảo tàng nên tự hạn chế ở việc trưng bày mẫu vật, mà nên làm cho vật trưng bày minh họa được toàn bộ cuộc sống và thành tựu của một dân tộc”.

Hai năm rưỡi sau, lúc các chuyên tàu chở hiện vật của Lewis bắt đầu về nhiều, Skiff sừng sốt trước hơn 300 hòm và thùng tiếp tục chất đầy một phòng lớn dùng làm kho chứa cho đến khi Lewis trở về.

A. B. Lewis nhấn mạnh rằng, ông không chỉ là một người sưu tầm hiện vật mà còn là một nhà dân tộc học. Ông nêu rõ giá trị lâu dài của một sưu tập được chứng minh đầy đủ bằng tư liệu.

Kết luận

Albert B. Lewis là nhà dân tộc học Mỹ đầu tiên tiến hành một công trình nghiên cứu lớn về tính đa dạng văn hóa của Melanesia. Phong cách nghiên cứu của ông và những vấn đề ông định giải quyết ở thực địa là sản phẩm của thời kỳ ông thực hiện công việc của mình. Đây là thời kỳ trong dân tộc học Mỹ lúc các công trình nghiên cứu quan trọng được tiến hành ở bảo tàng hơn ở trường đại học, một xu hướng bắt đầu thay đổi sau Đại chiến Thế giới I.

Trong những năm 1920, phong cách nghiên cứu này không được ưa chuộng trong dân tộc học Mỹ, vì việc nghiên cứu văn hóa vật chất bị từ bỏ để thiên về những công trình đề cập tới tổ chức xã hội, văn hóa và con người, tính cách dân tộc, cùng những vấn đề khác trong một xã hội hoặc nền văn hóa duy nhất. Ở Hoa Kỳ những năm 1920, chưa có truyền thống nghiên cứu Melanesia. Mãi đến 20 năm sau khi Lewis bắt đầu

nghiên cứu thì nhà dân tộc học Mỹ tiếp theo là Margaret Mead mới đặt chân tới Melanesia. Tiếp bước Margaret Mead là Hortense Powdermaker, John Whiting, Stephen Reed, và Douglas River, thế hệ trẻ này sẽ hướng sự chú ý của dân tộc học Mỹ trở lại thực địa Melanesia.

Bây giờ, gần 90 năm sau khi Lewis đi Melanesia, ngành khoa học này hình như quay trở về những vấn đề đã thúc đẩy ông nghiên cứu ở thực địa: vai trò hiện vật, triển vọng địa phương, buôn bán, và vấn đề rắc rối là làm thế nào giải thích tính đa dạng.

Tài liệu tham khảo

1. Ames, Michael. *Cannibal Tours and Glass Boxes* (1992), *The Anthropology of Museums*, UBC Press, Vancouver.
2. Biersack, Aletta, (1991), *Clio in Oceania, Toward a Historical Anthropology*, Smithsonian Institution Press, Washington.
3. Goldman, L. R., and C. Ballard (1998), *Fluid Ontologies: Myth, Ritual, and Philosophy in the Highlands of Papua New Guinea*, Bergin and Garvey, Westport.
4. Welsch, Robert L. Lewis, Albert Buell (1991), trong: Winters (ed.), *International Dictionary of Anthropologists*, Compiled by Library-Anthropology Resource Group (LARG), Garland Publishing, New York.
5. Welsch, Robert L. và John Terrell (1991), *Pacific Studies*.
6. Welsch, Robert L. (1999), *Tạp chí Anthropos*, New York.